

**Bản án số: 382/2018/HS-ST
Ngày: 15-10-2018**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Hà.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Phở.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Mai Hồng ông Trần Hán và ông Ngô Tiến Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Tuấn Dũng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Trần Thị Trân - Kiểm sát viên.

Ngày 15/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 356/2017/TLST-HS ngày 24/8/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 512/2018/QĐXXST-HS ngày 11/9/2018 đối với bị cáo **TRẦN VĂN T**, sinh năm 1969; *noi đăng ký nhân khẩu thường trú:* Số 06/207/63 Tổ dân phố Trung 6, phường XD, quận TB, thành phố Hà Nội; *địa chỉ cư trú trước khi bị bắt:* Phòng C, Khu Chung cư H số 3333 đường TCD, phường 24, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; *nghề nghiệp:* Lao động tự do; *trình độ học vấn:* 10/10; *quốc tịch:* Việt Nam; *dân tộc:* Kinh; *tôn giáo:* Không; con ông Trần Văn Tường và bà Lê Thị Nhã; có vợ là Phạm Thị Thu Hà và 03 con; *tiền án, tiền sự:* Chưa; *nhân thân:* Bản án số 103/2018/HS-PT ngày 08/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 07 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/9/2017; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/9/2017 tại Trại tạm giam số 1 của Công an thành phố Hà Nội theo Bản án số 103/2018/HS-PT ngày 08/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Quang Tiến - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Đặng Sơn và Cộng sự - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bị hại:

1. Anh Võ Đình Tr, sinh năm 1987; ĐKNKTT và trú tại: Khối phố 08, thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

2. Ông Trần Mạnh Kh, sinh năm 1959; ĐKNKTT và trú tại: Số 333 đường Ngô Thì Nhậm, thuộc tổ 48, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1973; ĐKNKTT và trú tại: Thôn Trát Cầu, xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Xuân H, sinh năm 1973; ĐKNKTT và trú tại: Xóm 11, xã Bình Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1969; ĐKNKTT và trú tại: Thôn Phú Thụy, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3. Ông Lê Hùng C, sinh năm 1968; ĐKNKTT và trú tại: Tổ dân phố Nhân Thắng, phường Kỳ Phương, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

4. Ông Phạm Khắc Th, sinh năm 1959, ĐKNKTT và trú tại: Nhà số 171, Tiểu khu 4, thị trấn Mai Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1984; ĐKNKTT và trú tại: thôn Đại Đồng, xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

6. Bà Ngô Thị Hồng Th, sinh năm 1970; ĐKNKTT và trú tại: Phòng 1014/N6B Chung cư Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến tháng 6/2017, dù không có chức năng và khả năng xin việc làm, nhưng để có tiền chi tiêu, Trần Văn T đã tự giới thiệu với nhiều người quen hiện đang là Vụ phó Vụ Thư ký - Văn phòng Quốc Hội, có nhiều mối quan hệ, có thể xin đi làm, đi học trong ngành Công an để nhận tiền rồi chiếm đoạt của nhiều người, cụ thể:

1. *Hành vi chiếm đoạt tiền của 05 trường hợp thông qua trung gian là anh Võ Đình Tr:* Năm 2014, anh Võ Đình Tr là cán bộ Cục Quản lý huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ - Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động - Bộ Công an quen biết Trần Văn T thông qua cháu họ Tiến là anh Trần Đình Trọng - Công tác tại Trung đoàn 26 - Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động - Bộ Công an. Tiến tự giới thiệu với anh Trung là Vụ phó

Vụ thư ký - Văn phòng Quốc hội và có khả năng xin được cho các trường hợp đi học, đi làm và bảo anh Trung nếu người quen có nhu cầu thì Tiến sẽ xin giúp, mức chi phí tùy thuộc vào từng trường hợp. Do tin tưởng Tiến nên anh Trung đã nhận tiền và hồ sơ xin việc, xin học của 05 trường hợp, sau đó chuyển cho Tiến và bị Tiến chiếm đoạt, cụ thể:

1.1) Ông Lê Xuân H: Khoảng giữa năm 2015, thông qua quan hệ xã hội, ông Lê Xuân H quen biết và nhờ anh Võ Đình Tr xin cho con trai là Lê Xuân Đường (*sinh năm 1997*) thi vào Học viện Cảnh sát nhân dân. Anh Trung trao đổi với Tiến, Tiến nói chi phí là 1,1 tỷ đồng, anh Trung thông báo lại cho ông Hộ. Ngày 14/6/2015, ông Hộ giao cho anh Trung 1,1 tỷ đồng (*anh Trung có viết biên nhận với ông Hộ*). Cùng ngày, tại Nhà hàng “23 độ nghiêng” thôn Cầu Đen, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, Hà Nội, anh Trung đã đưa cho Tiến 600 triệu đồng và sơ yếu lý lịch của Lê Xuân Đường. Anh Trung và Tiến thỏa thuận sau khi cháu Đường có giấy báo nhập học, anh Trung sẽ đưa nốt 500 triệu đồng cho Tiến. Sau khi nhận tiền, Tiến không thực hiện như cam kết mà sử dụng vào mục đích cá nhân. Quá thời hạn cam kết, anh Trung nhiều lần yêu cầu Tiến đưa giấy báo nhập học, nhưng Tiến đều khất lần, sau đó Tiến hẹn anh Trung đến ngày 14/11/2015 gặp Tiến để nhận giấy báo. Anh Trung báo cho ông Hộ ra Hà Nội. Ngày 14/11/2015, anh Trung dẫn ông Hộ đến gặp Tiến, Tiến nói chưa có giấy báo nhập học. Để anh Trung và ông Hộ yên tâm, Tiến đã viết giấy hẹn trả tiền với anh Trung và cam kết đến ngày 21/11/2015 Tiến sẽ đưa thông báo nhập học, nếu không được nhập học thì đến ngày 23/11/2015 Tiến sẽ trả lại toàn bộ số tiền mà anh Trung đã giao cho Tiến nhưng sau đó Tiến cũng không thực hiện.

Xác minh: Tại Học viện Cảnh sát nhân dân - Bộ Công an trong năm 2015, không có thí sinh nào có họ tên Lê Xuân Đường trúng tuyển và nhập học tại Học viện Cảnh sát nhân dân và cũng không có thông tin tài liệu phản ánh Trần Văn T nộp hồ sơ xét tuyển cho thí sinh Lê Xuân Đường vào Học viện. Tại Văn phòng Quốc hội không có ai tên là Trần Văn T và Văn phòng Quốc hội cũng không có Vụ Thư ký.

1.2) Ông Nguyễn Thế H: Thông qua mối quan hệ xã hội, ông Hùng quen anh Võ Đình Tr. Khoảng tháng 8/2015, con gái ông Hùng là Nguyễn Thị Hồng Nhung (*sinh năm 1997*) đã thi vào Học viện An ninh nhân dân nhưng không trúng tuyển. Biết anh Trung công tác trong ngành Công an nên ông Hùng đã nhờ anh Trung xin cho Nhung được xét tuyển vào Trường Cao đẳng An ninh nhân dân. Anh Trung

hứa sẽ xin giúp ông Hùng và nói lại với Tiến, Tiến nói chi phí là 300 triệu đồng. Ngày 31/8/2015, anh Trung nhận của ông Hùng 300 triệu đồng và hứa sau 45 ngày sẽ có kết quả. Ngày 02/9/2015, tại Siêu thị Kim Anh, phố Kim Anh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội, anh Trung đã đưa cho Tiến toàn bộ số tiền trên để nhờ Tiến xin nhập học cho Nhung. Tiến không thực hiện như cam kết với anh Trung mà chiếm đoạt và sử dụng vào mục đích cá nhân. Xác minh tại Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I: Năm 2015 có 01 thí sinh tên Nguyễn Thị Hồng Nhung thi khối A nhưng không trúng tuyển.

1.3) Ông Lê Hùng C: Ông Lê Hùng C có quan hệ họ hàng với anh Võ Đình Tr. Năm 2015, ông Cường nhờ anh Trung xin cho con gái là Lê Nguyễn Phương Nhung (*sinh năm 1997*) vào Trường Trung cấp An ninh nhân dân vì đã thi vào Học viện An ninh nhưng không đỗ. Anh Trung nói lại và Tiến hứa sẽ xin được với chi phí 500 triệu đồng, sau ba tháng sẽ có quyết định. Anh Trung báo lại với ông Cường mức chi phí này. Do anh Trung vắng mặt nên anh Trung bảo ông Cường giao tiền cho ông Võ Đình Thành, bà Phan Thị Hồng và chị Võ Phương Thảo là bố, mẹ và em gái anh Trung nhận hộ. Ngày 01/9/2015, ông Cường chuyển cho anh Trung số tiền 400 triệu đồng thông qua ông Thành, bà Hồng và chị Thảo (*Có viết giấy biên nhận*). Đến ngày 04/9/2015, anh Trung cho ông Cường số tài khoản ngân hàng của chị Võ Phương Thảo để ông Cường chuyển tiếp 100 triệu đồng. Tổng cộng ông Cường đã chuyển cho anh Trung số tiền 500 triệu đồng. Anh Trung giao cho Tiến 300 triệu đồng để nhờ xin học, còn 200 triệu đồng anh Trung giữ lại để sau khi Tiến có giấy báo nhập học Trung sẽ chuyển nốt như đã thỏa thuận. Sau đó, Tiến không thực hiện như cam kết mà chiếm đoạt số tiền và sử dụng vào mục đích cá nhân.

Xác minh tại trường Trung cấp An ninh nhân dân (*nay là Cao đẳng An ninh nhân dân I*): Năm 2015, không có tên thí sinh Lê Nguyễn Phương Nhung đăng ký xét tuyển nguyện vọng vào trường.

1.4) Ông Phạm Khắc Th: Năm 2014, thông qua vợ của anh Trung là chị Hoàng Thanh Tâm, ông Phạm Khắc Th biết anh Trung công tác trong ngành Công an nên đã nhờ anh Trung xin cho con gái là Phạm Ngọc Mai (*sinh năm 1987*) vào công tác tại Cục Cảnh sát môi trường - Bộ Công an. Anh Trung nói lại với Tiến, Tiến nói chi phí là 550 triệu đồng. Anh Trung thông báo lại cho ông Thiềng. Ngày 29/7/2014, ông Thiềng đã giao cho anh Trung số tiền 200 triệu đồng và bộ hồ sơ. Sau khi nhận tiền, ngày 05/9/2014 tại Nhà hàng hải sản Trung Dũng - số 16 phố Phạm Tuấn Tài, quận Cầu Giấy, Hà Nội, anh Trung đã ứng trước ra 150 triệu đồng

cùng với số tiền ông Thiềng đã chuyển để đưa cho Tiến 350 triệu đồng và hồ sơ. Đến ngày 08/02/2015, ông Thiềng giao tiếp cho anh Trung 350 triệu đồng, không viết giấy tờ biên nhận. Như vậy, tổng số tiền ông Thiềng đã giao cho anh Trung là 550 triệu đồng, anh Trung giữ lại 200 triệu đồng để đến khi Tiến đưa quyết định tuyển dụng vào ngành Công an thì anh Trung sẽ chuyển nốt. Đến ngày 13/3/2015, Tiến yêu cầu anh Trung chuyển 30 triệu đồng để Tiến chi phí thêm xin việc cho trường hợp của chị Mai nên anh Trung đã nhờ vợ là chị Hoàng Thanh Tâm chuyển hộ 30 triệu đồng vào tài khoản 1507201055336 của Tiến mở tại Agribank - Chi nhánh Cầu Giấy - Hà Nội. Sau khi nhận tiền, Tiến chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân mà không thực hiện như cam kết. Xác minh tại Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường (C49) - Bộ Công an thì từ năm 2014 đến nay không tiếp nhận hồ sơ tuyển dụng, điều động, tiếp nhận ai mang tên Phạm Ngọc Mai.

1.5) Anh Nguyễn Văn B: Anh Nguyễn Văn B quen biết với anh Võ Đình Tr. Khoảng tháng 3/2015, qua nói chuyện, bạn anh Bính là anh Thành Xuân Đức nhờ anh Bính, anh Bính nhờ anh Trung xin cho một trường hợp người quen của anh Đức là Nguyễn Đức Hải vào công tác tại Công an thành phố Hà Nội. Anh Trung nói lại với Tiến và Tiến nói chi phí là 400 triệu đồng. Anh Trung thông tin lại cho anh Bính. Sau đó, anh Đức chuyển cho anh Bính 390 triệu đồng cùng hồ sơ của Nguyễn Đức Hải để chuyển cho anh Trung. Sau khi nhận tiền, ngày 08/4/2015 tại Nhà hàng cá Lãng Sông Hồng, số 189 phố Tô Hiệu, quận Cầu Giấy, Hà Nội, anh Trung đưa cho Tiến 300 triệu đồng để Tiến xin việc cho anh Hải, còn anh Trung giữ lại 90 triệu đồng với mục đích khi nào Tiến có quyết định tuyển dụng anh Trung sẽ giao nốt tiền. Đến ngày 26/10/2015, Tiến yêu cầu anh Trung đưa thêm 100 triệu đồng để nhận quyết định cho Hải. Tiến bảo anh Trung chuyển tiền vào tài khoản số 95377329 mang tên Trần Thị Phụng Loan mở tại ACB - Chi nhánh Cửa Nam - Hà Nội. Anh Trung đã bỏ thêm 10 triệu đồng cùng số tiền 90 triệu đồng mà anh Trung giữ lại và nhờ vợ là chị Tâm chuyển cho Tiến thông qua tài khoản của chị Loan. Sau khi nhận tiền, Tiến không thực hiện như cam kết mà sử dụng vào mục đích cá nhân. Anh Bính đã tự bỏ 390 triệu đồng là tiền cá nhân ra trả cho anh Hải.

Tại Bản kết luận giám định số 4760/KLGD-PC54 ngày 25/8/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: *“Chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Văn T trên Giấy nhận tiền đề ngày 14/11/2015; Giấy hẹn trả tiền đề ngày*

14/11/2015; Giấy nhận tiền đề ngày 02/09/2015; Giấy nhận tiền 10.7.2015 với chữ viết, chữ ký Trần Văn T là chữ do cùng một người viết và ký ra”.

Như vậy, anh Võ Đình Tr đã nhận của 05 trường hợp tổng cộng là 2.840.000.000 đồng (Trung giữ lại 860.000.000 đồng để khi xong việc sẽ đưa cho Tiến), chuyển cho Trần Văn T 1.980.000.000 đồng để Tiến xin đi học, đi làm rồi sau đó chiếm đoạt mà không thực hiện theo cam kết. Anh Trung đã nhiều lần đòi tiền; ngày 03/01/2016, anh Trung đã làm đơn tố cáo Trần Văn T. Quá trình điều tra xác định: Do tin tưởng Tiến nên anh Trung đã đứng ra làm trung gian nhận tiền để xin việc cho 5 trường hợp, sau đó chuyển lại cho Tiến, bản thân Trung không được hưởng lợi, ngoài ra còn tự bỏ ra 90 triệu đồng để trả bị hại. Xét thấy hành vi của Trung không đồng phạm nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Số tiền nhận của anh Trung, Tiến khai đã trả nợ cho chị Trần Thị Phụng Loan 100.000.000 đồng; chuyển 1.070.000.000 đồng cho một người phụ nữ tên là Trần Thị Mỹ Hạnh (sinh năm 1954; trú tại: Số 67/51 Bờ bao Tân Thắng, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh) để nhờ xin giúp, nhưng không có giấy tờ chứng minh việc chuyển tiền này, số còn lại Tiến chi tiêu cá nhân hết.

Chị Trần Thị Phụng Loan khai: Ngày 26/10/2015, chị Loan đã nhận được 100 triệu đồng trên tài khoản cá nhân, đó là số tiền Tiến trả nợ chị Loan. Chị Loan không quen biết người gửi tiền và không liên quan đến hành vi nhận tiền để xin việc của Tiến.

Ngày 08/9/2016 và 14/10/2016, Trần Văn T đã tự nguyện nộp cơ quan điều tra 535 triệu đồng để khắc phục hậu quả và Cơ quan điều tra đã trả cho anh Trung số tiền này để hoàn lại cho các bị hại. Ngoài ra, tính đến ngày 14/7/2017, Tiến còn nhiều lần trả riêng cho anh Trung được 915 triệu đồng. Tổng số tiền Tiến đã trả lại cho anh Trung là 1.450.000.000 đồng, anh Trung đã trả cho các bị hại, số tiền còn lại 530.000.000 đồng hiện Tiến không có khả năng khắc phục. Đến nay, ông Lê Xuân H yêu cầu trả số tiền còn thiếu là 290 triệu đồng; ông Nguyễn Thế H yêu cầu trả tiếp 150 triệu đồng; anh Trung đã ứng 90 triệu đồng trả anh Nguyễn Văn B đủ 390 triệu đồng; anh Trung yêu cầu Tiến trả lại tổng cộng 530 triệu đồng.

2. Ông Trần Mạnh Kh: Năm 2014, thông qua bà Ngô Thị Hồng Th là Cán bộ Công an huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, ông Trần Mạnh Kh biết Trần Văn T. Qua nói chuyện, biết ông Khang có nguyện vọng muốn xin cho con gái là chị Trần Thị Kim Thoa (sinh năm 1988) vào ngành Công an. Tiến giới thiệu với ông Khang là Tiến có nhiều mối quan hệ nên xin được cho chị Thoa vào công tác tại Tổng cục

hậu cần kỹ thuật - Bộ Công an, chi phí là 500 triệu đồng, sau ba tháng sẽ có quyết định tuyển dụng. Sau đó, Tiến gửi cho ông Khang bộ hồ sơ để khai. Ngày 08/11/2014, ông Khang được bà Thúy đưa đến nhà Tiến tại phòng 218/CT3B đường Nguyễn Cơ Thạch, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Tại đây, ông Khang đã đưa hồ sơ xin việc và 500 triệu đồng cho Tiến. Sau khi nhận tiền, Tiến viết giấy nhận tiền với nội dung: Tiến đã nhận của ông Khang 500 triệu đồng để lo việc... hẹn ba tháng sẽ thanh toán đủ. Quá thời hạn cam kết, ông Khang nhiều lần gọi điện thoại liên lạc nhưng Tiến trốn tránh không gặp. Đến tháng 6/2017, Tiến thông báo với ông Khang đã xin được việc cho chị Thoa và yêu cầu ông Khang chuyển tiếp cho Tiến 5.000USD (*Tương đương 120 triệu đồng*) để đi cảm ơn. Theo yêu cầu của Tiến, ngày 29/6/2017 ông Khang chuyển 120 triệu đồng vào tài khoản số 150720105336 của Trần Văn T mở tại Agribank. Sau khi biết Trần Văn T bị Cơ quan điều tra khởi tố, ông Khang đã gửi đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội. Ngày 09/10/2017, bà Thúy đã tự bỏ 75 triệu đồng ra trả cho ông Khang qua tài khoản.

Tại kết luận giám định số 1886/KLGD-PC54(Đ4) ngày 22/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Văn T trên giấy nhận tiền đề ngày 08/11/2014 so với chữ viết, chữ ký mẫu là chữ do cùng một người viết và ký ra.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn T khai nhận sau khi nhận tiền của ông Khang, Tiến đã sử dụng chi tiêu cá nhân. Tiến khai trong số tiền Tiến nhận của ông Khang, Tiến chỉ chiếm đoạt 500 triệu đồng của ông Khang vào mục đích xin việc làm, còn 120 triệu đồng là tiền Tiến vay mượn cá nhân ông Khang. Tiến hành đối chất giữa Trần Văn T và ông Trần Mạnh Kh để làm rõ về mục đích Tiến nhận số tiền 120 triệu đồng, ông Khang khẳng định số tiền này chuyển cho Tiến với lý do để Tiến "*đi cảm ơn lãnh đạo vì đã lo việc xong cho con gái ông Khang*". Căn cứ vào tài liệu điều tra đủ cơ sở kết luận Trần Văn T đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của ông Trần Mạnh Kh số tiền 620 triệu đồng thông qua việc nhận tiền, hứa hẹn xin việc làm. Ông Khang yêu cầu Tiến trả lại số tiền 545 triệu đồng.

Đối với bà Ngô Thị Hồng Th quá trình điều tra xác định, do tin tưởng Tiến nên bà Thúy đã giới thiệu ông Khang gặp Tiến để nhờ xin việc và không được hưởng lợi nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Bà Thúy không có yêu cầu gì về số tiền 75 triệu đồng đã trả cho ông Khang.

3. Cũng với thủ đoạn trên, khoảng cuối năm 2016 ông Nguyễn Trọng Đ đã nhờ Tiến xin cho con gái là Nguyễn Thị Thảo (*Sinh năm 1995*) vào công tác tại Tổng cục Hậu cần Kỹ thuật - Bộ Công an. Ngày 05/01/2017, ông Đông đã chuyển 400 triệu đồng vào tài khoản số 1507201055336 của Trần Văn T mở tại Agribank. Sau khi nhận tiền, Tiến không thực hiện như đã hứa hẹn và cam kết mà sử dụng chi tiêu cá nhân. Ông Đông yêu cầu Tiến trả lại số tiền 400 triệu đồng.

Xác minh tại Tổng cục Hậu cần Kỹ thuật - Bộ Công an: Từ năm 2014 đến nay không có trường hợp nào tên Trần Thị Kim Thoa, Nguyễn Thị Thảo có hồ sơ xin tuyển dụng vào công tác.

4. Ngoài ra, quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội còn tiếp nhận đơn của chị Võ Thị Minh Phú (*sinh năm 1972; trú tại: Phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An*); bà Nguyễn Thị Sơn (*sinh năm 1957; trú tại: Khối 8 phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An*) tố giác Trần Văn T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 400 triệu đồng của chị Phú thông qua việc nhận tiền và hứa xin học cho con chị Phú vào Trường Trung cấp An ninh nhân dân; đơn của ông Nguyễn Văn Thanh (*sinh năm 1959; trú tại: Phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An*) tố giác Trần Văn T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 350 triệu đồng của ông Thanh thông qua việc nhận tiền và hứa xin cho cháu ông Thanh vào công tác tại Công an tỉnh Nghệ An. Tài liệu điều tra thể hiện: Tiến đã trả lại toàn bộ số tiền đã nhận của chị Phú và ông Thanh và đến nay không đề nghị cơ quan điều tra xem xét giải quyết. Do vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Trần Văn T về các hành vi này.

Cáo trạng số 310/CT-VKS ngày 15/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận hành vi vi phạm như đã nêu trên và đề nghị được xem xét giảm nhẹ hình phạt. Các bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn chiếm đoạt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Trần Văn T từ 13 đến 14 năm tù; tổng hợp với hình phạt 07 năm tù theo quyết định của Bản án số 103/2018/HS-PT ngày 08/3/2018 của Toà án nhân

dân thành phố Hà Nội; buộc bị cáo bồi thường cho những người bị hại số tiền còn chiếm đoạt. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hơn nữa cho bị cáo vì đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đã tích cực bồi thường cho bị hại; có bố đẻ là người có công; bản thân đã từng tham gia quân ngũ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố bị cáo và tiến hành các thủ tục tố tụng khác trong vụ án, các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo từ chối người bào chữa do Cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý để luật sư do Tòa án chỉ định bào chữa cho mình.

[2] Mặc dù không có chức năng, không có khả năng xin đi làm, đi học; không phải là công chức, viên chức Nhà nước nhưng Trần Văn T đã tự giới thiệu với các bị hại mình là Vụ phó Vụ Thư ký - Văn phòng Quốc Hội, có nhiều mối quan hệ quen biết, có khả năng xin được việc làm, xin được đi học; trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2016, Trần Văn T đã nhiều lần nhận của nhiều người bị hại tổng số tiền 3.000.000.000 đồng, sau đó chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhân; đến nay mới trả lại được 1.450.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Văn T đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết tăng nặng định khung “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã viện dẫn để truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Nhận thức rõ hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật; hành vi đó chẳng những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác; gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội; gây ảnh hưởng đến uy tín và sự hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức nhưng bị cáo vẫn thực hiện; bị cáo nhiều lần phạm tội; chiếm đoạt số tiền lớn của các bị hại, đến nay chưa khắc phục hết nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo thành khẩn; ăn năn hối cải; đã tích cực bồi thường một phần thiệt hại cho những bị hại là những tình tiết giảm nhẹ được Hội đồng xét xử áp dụng theo các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về nhân thân, bị cáo đã từng bị kết án về tội cùng loại, xảy ra cùng thời điểm nên không coi đó là tiền án để xác định tái phạm hay tái phạm nguy hiểm nhưng cần phải tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung. Xét thấy, có thể áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

[3] *Về trách nhiệm dân sự:* Theo yêu cầu những người bị hại, Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi hoàn cho họ số tiền còn chiếm đoạt. Cụ thể, trả cho anh Võ Đình Tr 530.000.000 đồng; ông Trần Mạnh Kh 545.000.000 đồng; ông Nguyễn Trọng Đ 400.000.000 đồng. Anh Võ Đình Tr có trách nhiệm hoàn lại số tiền còn thiếu cho những người có liên quan, cụ thể là ông Lê Xuân H 290.000.000 đồng, ông Nguyễn Thế H 150.000.000 đồng. Đối với số tiền 75 triệu đồng bà Ngô Thị Hồng Th tự nguyện bỏ ra trả cho ông Trần Mạnh Kh; đến nay bà Thúy không có yêu cầu, đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về án phí:* Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. *Về điều khoản áp dụng và hình phạt:* Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Trần Văn T **11 (Mười một)** năm tù; tổng hợp với hình phạt **07 (Bảy)** năm tù theo quyết định của Bản án hình sự phúc thẩm số 103/2018/HS-PT ngày 08/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội buộc bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung là **18 (Mười tám)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/9/2017.

3. *Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc Trần Văn T phải bồi hoàn cho anh Võ Đình Tr 530.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu đồng*); ông Trần Mạnh Kh 545.000.000 đồng (*Năm trăm bốn mươi lăm triệu đồng*); ông Nguyễn Trọng Đ 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*). Anh Võ Đình Tr có trách nhiệm hoàn

lại cho ông Lê Xuân H 290.000.000 đồng (Hai trăm, chín mươi triệu đồng) và ông Nguyễn Thế H 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

4. *Về án phí:* Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 56.250.000 đồng (Năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về biện pháp bảo đảm thi hành án:* Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi suất phát sinh trên số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- Trung tâm Lý lịch tư pháp QG - Bộ Tư pháp;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- UBND phường XD, quận TB, Hà Nội;
- UBND phường 24, quận T, thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Nam Hà